

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 27/6/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thông Phi.
2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà 283, đường Trần Hưng Đạo, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1990; HKTT: Xóm 3, thôn 4, xã SK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (hiện đang chấp hành án tại Đội 8, phân trại 2, Trại giam Xuân Phước tại xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên): Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – Chị Lê Thị Bích T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời

gian thì xảy ra mâu thuẫn. Do anh N sử dụng ma túy, không chịu làm ăn chăm lo cho gia đình nên từ năm 2014 cho đến nay vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Cuộc sống vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Hiện nay, anh N đang đi chấp hành án về tội “Trộm cắp tài sản” nên anh N và chị T đã sống ly thân với nhau. Thời gian này, chị T không còn quan tâm, chăm sóc đến anh N nữa. Chị T không còn tình cảm gì với anh N nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh N có chung hai người con tên là Nguyễn Đình Chánh Thiện, sinh ngày 29/12/2010; Nguyễn Lê Bảo Anh, sinh ngày 23/5/2014. Hiện nay, chị T đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Cho nên, nếu vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn – anh Nguyễn Đình N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SK, huyện Tánh Linh vào năm 2010. Thời gian đầu sống hạnh phúc. Sau đó, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn thì anh N chấp nhận.

Về con chung: Anh N và chị T có chung hai người con tên là Nguyễn Đình Chánh Thiện, sinh năm 2010; Nguyễn Lê Bảo Anh, sinh năm 2014. Hiện nay, hai người con đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, anh N đồng ý giao các con cho chị T được quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh N không có yêu cầu gì khác.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Chị Lê Thị Bích T cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: 01 trích lục giấy kết hôn; 02 bản sao giấy khai; 02 giấy chứng minh nhân dân (photo).

- Anh Nguyễn Đình N: Không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của các đương sự và xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân của chị T và anh N.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và N vụ của mình tuân thủ theo đúng quy định của BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Liêu; chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Đình N.

Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Đình Chánh Thiện, sinh năm 2010; Nguyễn Lê Bảo Anh, sinh năm 2014 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc không ai được phép ngăn cản.

Về án phí: Chị Lê Thị Bích T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, chị Lê Thị Bích T; anh Nguyễn Đình N đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[2]. Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn – chị Lê Thị Bích T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Bích T:

Chị Lê Thị Bích T và anh Nguyễn Đình N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2010 ở Ủy ban nhân dân xã SK. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh Nguyễn Đình N sử dụng trái phép chất ma túy; không làm ăn chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Hiện nay, anh N đang đi chấp hành án. Thời gian này, chị T không còn

quan tâm, chăm sóc đến anh N. Thể hiện trong các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị T đều xác định không còn tình cảm gì với anh N nên không muốn tiếp tục chung sống với anh N. Thể hiện tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 20/5/2022 (bút lục: 14) thể hiện anh N chấp nhận ly hôn với chị T.

Tại biên bản xác minh ngày 14/6/2022 thể hiện: Vợ chồng chị T và anh N chung sống không có hạnh phúc; thường xuyên cãi vã nhau. Do anh N nghiện ma túy không chịu lo làm ăn. Mặc dù, đã được gia đình vận động khuyên răn, nhưng anh N vẫn không thay đổi. Thời gian anh N đi chấp hành án thì chị T không đi thăm anh N. Chị T không còn tình cảm với anh N.

Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ chứng minh cuộc sống của chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài; vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, cần chấp nhận cho chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Đình N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Anh N và chị T có hai người con tên là Nguyễn Đình Chánh Thiện, sinh ngày 29/12/2010; Nguyễn Lê Bảo Anh, sinh ngày 23/5/2014. Hiện nay, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Cho nên, trường hợp vợ chồng ly hôn thì chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con cho đến khi thành niên.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/5/2022, anh Nguyễn Đình N đồng ý tiếp tục giao các con chung Nguyễn Đình Chánh Thiện, Nguyễn Lê Bảo Anh cho chị T được quyền nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2022 thể hiện: Cháu Nguyễn Lê Bảo Anh, Nguyễn Đình Chánh Thiện có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị T.

Xét thấy: Nguyễn Đình Chánh Thiện, Nguyễn Lê Bảo Anh đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đều có nguyện vọng được sống với chị T. Anh N chấp nhận giao các con cho chị T được quyền nuôi dưỡng. Cho nên, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Đình Chánh Thiện, sinh ngày 29/12/2010; Nguyễn Lê Bảo Anh, sinh ngày 23/5/2014 cho chị Lê Thị Bích T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Bích T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Lê Thị Bích T và anh Nguyễn Đình N.

[6]. *Về án phí*: Cần buộc chị Lê Thị Bích T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích T: Chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Đình N.
- *Về con chung*:

Tiếp tục giao cho chị Lê Thị Bích T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con chung tên là Nguyễn Đình Chánh Thiện, sinh ngày 29/12/2010; Nguyễn Lê Bảo Anh, sinh ngày 23/5/2014 cho đến khi con thành niên.

Anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T, nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con. Chị T không được quyền ngăn cản.

Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn mà chị T đã nộp theo biên lai số 0007777, ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã SK;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yên